TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19/01/2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thúy Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Mạnh Hà;

2. Bà Nguyễn Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Minh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thuỳ Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 568/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2023 về việc "*Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 29/12/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 06/2024/QĐST– HNGĐ ngày 12/01/2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1997.

Trú tại: Đ, H, K, Đ, Hà Nội.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1995.

Trú tại: Đ, H, K, Đ, Hà Nội.

Có mặt: Nguyên đơn.

Vắng mặt: Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2023 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức hôn lễ và đăng ký kết hôn tại

UBND xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình ngày 28/6/2017. Anh chị chung sống với nhau từ ngày 03/7/2017. Sau khi kết hôn, anh chị thuê trọ ở riêng để đi làm. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị xuất hiện mâu thuẫn từ năm 2023, nguyên nhân do quan điểm sống không đồng nhất, vợ chồng không thể chia sẻ, nói chuyện được với nhau. Bản thân chị T đã cố gắng nhưng không đạt được kết quả, hai bên gia đình cũng đã hoà giải nhưng mâu thuẫn vẫn không được giải quyết. Khi vợ chồng cãi vã, xung đột, anh H có hành vi chửi rủa, đánh đập chị T. Đến nay, xác định tình cảm vợ chồng với anh H không còn, vợ chồng không thể hoà giải được mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T mong muốn Toà án giải quyết ly hôn cho chị và anh H.

Về con chung: Chị T và anh H có một người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Diệu A, sinh ngày 22/12/2017. Hiện tại, sức khoẻ của cháu tốt, đang sống cùng với chị T. Sau khi ly hôn, chị mong muốn Toà án giao cháu Diệu A cho chị nuôi dưỡng. Hiện nay, chị vừa làm công nhân vừa bán hàng online, thu nhập 15.000.000 đồng/tháng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản, công sức đóng góp, nợ chung: Chị T và anh H không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Kết quả điều tra xác minh tại địa phương xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội cho thấy:

Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú tại xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình, có đăng ký tạm trú tại Đ, thôn H, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Ủy ban nhân dân xã K không nhận được thông tin, yêu cầu hoà giải của vợ chồng chị T anh H. Nay, chị T làm đơn xin ly hôn anh H thì đề nghị Toà án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Trần Thị L – mẹ đẻ của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày tại Đơn trình bày đề ngày 09/6/2023 như sau:

Gia đình bà L tổ chức kết hôn cho chị T, anh H theo đúng quy định của pháp luật. Khoảng năm 2021 thì gia đình bà nghe chị T nói bị anh H đánh. Mỗi lần mâu thuẫn thì chị T đã bị đánh. Bà có lên thăm chị và khuyên nhủ vợ chồng anh chị nhưng mâu thuẫn vẫn xảy ra và chị T vẫn bị đánh. Nay chị T xin ly hôn để có cuộc sống ổn định hơn, bà đề nghị Toà án cho chị ly hôn với anh H.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị T khẳng định vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm.

Bị đơn anh H từ chối khai báo và vắng mặt trong quá trình tố tụng không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt anh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; Tòa án đã xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; Tòa án đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Phiên tòa diễn ra công khai, dân chủ, đề cập đến mọi vấn đề phải giải quyết trong vụ án.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

Về nội dung: Đề nghị Toà án tuyên:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T đối với anh Nguyễn Văn H.

+ Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Diệu A, sinh ngày 22/12/2017. Sau ly hôn, giao cháu Diệu A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về tài sản chung, công sức và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị T phải chịu án phí không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn H có đăng ký tạm trú tại xã K, huyện Đ, như vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân huyện Đông Anh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục giải quyết vắng mặt bị đơn: Anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh H vắng mặt trong quá trình tố tụng. Tại phiên tòa, anh H vắng mặt đến lần thứ hai mặc dù đã

được triệu tập hợp lệ. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh H kết hôn vào ngày 28/6/2017 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị xuất hiện mâu thuẫn từ năm 2023, nguyên nhân do quan điểm sống không đồng nhất, vợ chồng không thể chia sẻ, nói chuyện được với nhau. Bản thân chị T đã cố gắng nhưng không đạt được kết quả, hai bên gia đình cũng đã hoà giải nhưng mâu thuẫn vẫn không được giải quyết. Khi vợ chồng cãi vã, xung đột, anh H có hành vi mắng chửi, đánh đập chị T. Đến nay, xác định tình cảm vợ chồng với anh H không còn, vợ chồng không thể hoà giải được mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T mong muốn Toà án giải quyết ly hôn cho chị và anh H.

Đại diện gia đình chị T là mẹ đẻ chị T (bà Trần Thị L) khẳng định anh chị có mâu thuẫn không thể hóa giải, Mỗi lần mâu thuẫn thì chị T đã bị anh H đánh. Nay chị T xin ly hôn để có cuộc sống ổn định hơn, bà L đề nghị Toà án cho chị ly hôn với anh H. Anh H không chấp hành tố tụng, không có ý kiến bằng văn bản gửi Toà án thể hiện quan điểm đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T. Do vậy,xác định anh H không có thiện chí đoàn tụ với chị T.

Xét thấy, để có một cuộc hôn nhân hoà thuận, hạnh phúc phải dựa trên cơ sở của sự thương yêu, tôn trọng, tin tưởng và giúp đỡ lẫn nhau giữa vợ chồng và những người thân trong gia đình. Hôn nhân của chị T, anh H thì không được như vậy, mâu thuẫn trong gia đình đã kéo dài và ngày càng trở nên trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân. Anh H không chấp hành pháp luật tố tụng dân sự, cố tình vắng mặt khi Toà án triệu tập. Anh H không có quan điểm bằng văn bản gửi Toà án để về yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh. Do vậy, Toà án không tiến hành được phiên họp hoà giải cho anh chị. Như vậy, xác định anh H không có nguyện vọng được đoàn tụ với chị T và không có nguyện vọng về nuôi con chung, không có yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Xác định, mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Chị T có quyền yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh H là hoàn toàn có căn cứ, đúng sự thật khách quan, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Cho chị T được ly hôn với anh H để giải phóng cho hai bên sớm ổn định cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: Chị T và anh H có một người con chung là cháu Nguyễn Ngọc

Diệu A, sinh ngày 22/12/2017. Chị T có nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Trong suốt quá trình tố tụng, anh H không có lời khai, không có quan điểm về con chung, vì vậy, xét giao cháu Diệu A cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho anh H do chị T không yêu cầu cho đến khi có quyết định khác của Tòa án.

Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công sức và nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh H không có lời khai, không có quan điểm về tài sản chung, công sức và nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

Trường hợp vợ chồng có tài sản chung, chị T và anh H có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng bằng một vụ án khác khi có đủ điều kiện theo pháp luật.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị T phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Điều 28, 35, 39; 203, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T, cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Diệu A, sinh ngày 22/12/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Diệu A tròn 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác của Toà án.

Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho anh H do chị T không yêu cầu cho đến khi có quyết định khác của Tòa án.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công sức và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Ghi nhận chị T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số AA/2021/0007278 ngày 10/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh, nay chuyển thành án phí, chị T đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đông Anh;
- UBND xã Gia Minh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Triệu Thuý Hà